TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1071/2024/HC-PT
Ngày 23 - 9 - 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 637/2024/TLPT-HC ngày 26 tháng 7 năm 2024 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2024/HC-ST ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2935/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Lò Thị C, sinh năm 1953. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Huỳnh Phước H – Đoàn Luật sư Thành phố H. *(Có mặt)*

Địa chỉ: 3 L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ: Quốc lộ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C1, chức vụ: Chủ tịch. *(Vắng mặt)*

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Nguyên H1, chức vụ: Phó chủ tịch. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phan Anh T, chức vụ: Trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện Đ. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

2. Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ: Quốc lộ B, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị T1, chức vụ: Chủ tịch. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty L - Bộ L (nay là Trung tâm huấn luyện dã ngoại thuộc Học viện L1)

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Trung tá Vũ Minh T2, chức vụ: Chỉ huy trưởng. *(Vắng mặt)*

2. Ông Chu Văn T3, sinh năm 1942. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện bà Lò Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18-5-2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/6/2023, ngày 04/7/2023 và bản tự khai của người khởi kiện bà Lò Thị C *trình bày*:

Vào năm 1991, bà cùng gia đình từ Đồng Nai lên lập nghiệp tại thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, đã khai phá và sử dụng diện tích đất hơn 4,1 ha tại tiểu khu F, thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng để canh tác làm ăn sinh sống. Năm 1995, UBND tỉnh L có quyết định số 1334/QĐ-UB ngày 06/12/1995 về việc giao đất rừng cho Công ty L (Khu K thuộc Học viện L1) nay là Trung tâm huấn luyện dã ngoại thuộc Học viện L1 để quản lý bảo vệ và sử dụng vào mục đích lâm nghiệp tại tiểu khu F, 639 trong đó có khu vực đất gia đình bà và các hộ dân đang canh tác sử dụng. Tại quyết định này nội dung có nêu: *"Nếu trong khu vực được giao có đất dân đang canh tác ổn định thì phải xem xét giải quyết thỏa đáng..."*. Nên Ban giám đốc, cán bộ, C2 đã tạo điều kiện vẫn để cho gia đình bà canh tác sử dụng diện tích đất này cho đến nay (có giấy xác nhận của Giám đốc, cán bộ, công nhân Nông Lâm trường 78 kèm theo).

Năm 1996, Nhà nước đo đạc diện tích đất này và năm 2000 gia đình bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại vị trí lô đất trên với diện tích 2,3 ha. Diện tích còn lại 18.485,44m² (thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 26) xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tháng 01/2016, UBND xã N biên bản vi phạm hành chính. Sau đó, Chủ tịch UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 260/QĐ-KPHQ ngày 10/6/2016 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà (bà nhận Quyết định vào ngày

20/6/2022). Từ đó đến nay, gia đình bà đã liên tục khiếu nại quyết định này đến nhiều cấp, nhiều ngành nhưng chưa được giải quyết thỏa đáng. Sau đó, UBND xã N đã vào làm việc và đề nghị gia đình bà tháo dỡ nhà và phá bỏ các loại cây trồng trên đất để giao đất lại cho UBND xã N quản lý thì gia đình bà không đồng ý và đã khiếu nại. Ngày 11/11/2022, UBND xã N ban hành Văn bản số 416/UBND trả lời việc khiếu nại của gia đình bà là không có cơ sở giải quyết và cho rằng diện tích đất này là đất công do UBND xã N quản lý.

Do đó, bà Lò Thị C khởi kiện yêu cầu:

- Huỷ Quyết định số 260/QĐ-KPHQ ngày 10/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện Đ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hủy Văn bản số 416/-UBND ngày 11/11/2022 của UBND xã N, huyện Đ "Liên quan nội dung đơn của bà Lò Thị C thôn T, xã N".

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân huyện Đ *trình bày:*

Qua kiểm tra cho thấy: Ngày 18/01/2016, công chức địa chính UBND xã N lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 02/BB-VPHC đối với bà Lò Thị C do có hành vi chiếm đất công là đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa do UBND xã N quản lý. Cụ thể, tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính bà Lò Thị C đang chiếm đất với diện tích 14.076m² thuộc một phần thửa đất số 21, tờ bản đồ số 26 (2013), tại thôn T, xã N; hiện trạng bà Lò Thị C đã trồng cỏ, trồng cây dâu và chuối vào năm 2015. Bà Lò Thị C chiếm đất năm 2012, UBND xã N đã lập biên bản, bà Lò Thị C đã trả lại đất, đến năm 2015 bà Lò Thị C tiếp tục chiếm diện tích đất trên để trồng trọt.

Hành vi của bà Lò Thị C đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Ngày 14/3/2016, UBND xã N có Tờ trình số 31/TTr-UBND về việc đề nghị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, đề nghị UBND huyện xử lý theo quy định.

Sau khi lập các thủ tục liên quan, ngày 10/6/2016 UBND huyện đã ban hành Quyết định số 260/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Lò Thị C do đã có hành vi vi phạm hành chính: chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa do UBND xã N quản lý. Cụ thể, tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính, bà Lò Thị C đang chiếm đất với diện tích 14.076m², thuộc một phần thửa đất số 21, tờ bản đồ số 26 (2013) tại thôn T, xã N (đất công do UBND xã N quản lý). Đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Lý do không ra quyết định xử phạt: Hết thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Biện pháp để khắc phục hậu quả phải thực hiện gồm: Buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và buộc trả đất đã chiếm với diện tích 14.076m², thuộc một phần thửa đất số 21, tờ bản đồ số 26 (2013) tại thôn T, xã N

Ý kiến của UBND huyện Đ đối với yêu cầu của người khởi kiện:

Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 26 (2013), xã N là đất công do UBND xã N quản lý.

Tại thời điểm vi phạm, theo khoản 2 Điều 31 Nghị định số 102/2014/NĐ - CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ thì thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thuộc Chủ tịch UBND huyện.

Căn cứ Điểm b khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định: *"đối với vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm"*. Hồ sơ vi phạm hành chính thể hiện bà Lò Thị C đang thực hiện hành vi chiếm đất công là đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa do UBND xã N quản lý. Như vậy, hành vi vi phạm của bà Lò Thị C còn trong thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính (thời hiệu xử vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là 02 năm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012). Tuy nhiên, biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC do UBND xã N lập vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 18/01/2016 nhưng đến ngày 15/3/2016 mới chuyển đến Phòng T4 để tham mưu xử lý. Theo khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định: *"Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính".* Như vậy, trường hợp bà Lò Thị C không ra quyết định xử phạt mà phải ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Ngày 17/6/2016, UBND xã N đã tống đạt Quyết định số 260/QĐ- KPHQ ngày 10/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả cho hộ bà Lò Thị C.

Do đó, việc Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 260/QĐ-KPHQ ngày 10/6/2016 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Lò Thị C là đúng quy định.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng căn cứ các hồ sơ có liên quan, xem xét xét xử vụ án theo đúng quy định.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân xã N *trình bày:*

1. Liên quan việc ban hành Văn bản số 416/UBND ngày 11/11/2022 của UBND xã N

Ngày 20/06/2022, UBND huyện Đ ban hành Công văn số 502/UBND- ĐT về việc chuyển đơn của bà Lò Thị C, theo nội dung đơn kèm theo thì bà Lò Thị C đề nghị xem xét, xác minh làm rõ nguồn gốc đất, giải quyết cho bà liên quan thửa đất số 21, tờ bản đồ 26 xã N

Qua rà soát, hồ sơ địa chính xã N quản lý thể hiện thửa đất số 21, tờ bản đồ 26 (2013), xã N là đất công do UBND xã quản lý. Vì vậy, UBND xã N đã ban hành Báo cáo số 223/BC-UBND ngày 17/10/2022 để UBND huyện Đ được biết

và ban hành Văn bản số 416/UBND ngày 11/11/2022 liên quan nội dung đơn của bà Lò Thị C để bà được biết và thực hiện.

2. Liên quan việc quản lý thửa đất số 21, tờ bản đồ 26 xã N:

Hồ sơ địa chính xã N quản lý thể hiện thửa 21, tờ bản đồ 26 (2013) chưa được đo đạc bản đồ 299, trích đo 00. Vì vậy, hồ sơ 299 UBND xã N chưa đăng ký vào hồ sơ địa chính xã đối với diện tích đất công nêu trên. Khi đo đạc bản đồ 2013, UBND xã N đã thực hiện việc đăng vào sổ mục kê và quản lý theo quy định, mục kê đo đạc 2013 thể hiện thửa 21, tờ bản đồ 26 (2013) là "Khu dân cư thôn T" thửa đất thuộc quy hoạch đất ONT, CLN theo bản đồ QHSDĐ huyện Đức Trọng đến năm 2030, thuộc quy hoạch khu dân cư Tân Phú theo Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 24/03/2011 của UBND huyện Đ về việc phê duyệt Quy hoạch khu dân cư T, xã N, huyện Đ. Nguồn gốc sử dụng đất bà Lò Thị C trình bày không đúng với hồ sơ địa chính xã quản lý.

Hồ sơ xử lý vi phạm hành chính xã quản lý thể hiện ngày 10/6/2016 Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 260/QĐ-KPHQ đối với bà Lò Thị C. Theo quyết định nêu trên Biện pháp để khắc phục hậu quả bà Lò Thị C phải thực hiện gồm: *"Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm với diện tích 14.076m² thuộc một phần thửa đất số 21, tờ bản đồ 26 (2013)* thôn T, xã N*"*. Đến nay bà Lò Thị C vẫn chưa chấp hành thực hiện theo Quyết định nêu trên.

Hồ sơ đất công do UBND xã N quản lý thể hiện thửa đất số 21, tờ bản đồ 26 (2013) xã N là đất công do UBND xã N quản lý, thể hiện tại các Báo cáo số 232/BC-TNMT ngày 04/8/2017 của Phòng TN&MT huyện Đ về việc kiểm tra, rà soát việc quản lý diện tích đất công, đất nông nghiệp công ích trên địa bàn xã N; Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 02/02/2014 của UBND xã N về việc kiểm tra, rà soát quỹ đất công ích trên địa bàn xã N; Báo cáo số 141/BC- UBND ngày 18/11/2016 của UBND xã N về việc kiểm tra, rà soát quỹ đất công ích trên địa bàn xã N; Báo cáo số 77/BC-UBND ngày 13/07/2021 của UBND xã N về tình hình quản lý đất công trên địa bàn xã N

3. Quan điểm của UBND xã N:

Để đảm bảo công tác quản lý nhà nước tại địa phương liên quan diện tích đất công do UBND xã quản lý thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ 26 (2013), UBND xã N không đồng ý về việc huỷ Văn bản số 416/UBND ngày 11/11/2022 của UBND xã N và không đồng ý việc huỷ Quyết định số 260/QĐ-KPHQ ngày 10/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện Đ. Lý do: Thửa đất số 21, tờ bản đồ 26 (2013) là đất công do UBND xã N quản lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty L - Bộ L *(nay là Trung tâm huấn luyện dã ngoại thuộc* Học viện L1 *trình bày):*

1. Năm 2004, thực hiện Quyết định số 2887/QĐ-UB ngày 23/7/2004 của UBND tỉnh L V/v thu hồi đất lâm nghiệp của Công ty L thuộc Học viện L1 để giao lại cho UBND huyện Đ và L quản lý; Học viện L1 đã bàn giao 821,20 ha đất lâm nghiệp cho UBND huyện Đ và Lâm Trường Đ quản lý.

2. Tháng 3/2004, Công ty L - Bộ L tiến hành cổ phần hoá theo quyết định 1923/QĐ-QP ngày 09/9/2003 của Bộ L. Qua kiểm tra rà soát hồ sơ quản lý sử dụng, diện tích đất lâm nghiệp trên đơn vị chỉ lưu Quyết định: 1334/QĐ-UB và Quyết định: 2887/QĐ-UB (bản chính lưu tại Học viện L1).

3. Hiện tại đơn vị đang quản lý đất quốc phòng tại xã N, huyện Đ trên cơ sở pháp lý:

Quyết định số 365/QĐ-TM, ngày 06/3/2012 của Bộ T5 về vị trí đóng quân của Học viện L1 tại xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CD 929798, diện tích: 434,560 ha (cấp đổi năm 2017).

Như vậy, diện tích đất do bà Lò Thị C sử dụng tại thôn T, xã N, huyện Đ không có hồ sơ quản lý lưu tại đơn vị. Do đó, không thuộc thẩm quyền của Trung Tâm H2 - Học viện L1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Chu Văn Thông thống n với nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Lò Thị C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2024/HC-ST ngày 07 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 3; Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157; khoản 1, 3 Điều 158; Điều 164; Điều 191; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348; Điều 206 của Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Luật tổ Chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; được sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2017 và năm 2020; Nghị định 118/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lò Thị C đề nghị Tòa án hủy:

- Quyết định số 260/QĐ-KPHQ ngày 10/6/2016 của UBND huyện Đ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

- Văn bản số 416/-UBND ngày 11/11/2022 của UBND xã N, huyện Đ "Liên quan nội dung đơn của bà Lò Thị C thôn T, xã N".

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 15/5/2024, bà Lò Thị C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người kháng cáo trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà do gia đình bà được Công ty L tạo điều kiện cho canh tác 4,1 ha đất từ năm 1991 và đã được Nhà nước cấp một phần diện tích đất trong số này là 2,3 ha theo hình thức cấp đại trà; phần còn lại hơn 1,8ha vẫn được gia đình bà canh tác, sử dụng xuyên suốt nhưng không được cấp GCNQSD đất. Chủ tịch U vi phạm hành chính và ban hành Quyết định 260 buộc khắc phục hậu quả nhưng gia đình bà C không được giao quyết định, phải đến năm 2021 mới được nhận và tiến hành khởi kiện quyết định này chứ không phải bà dừng canh tác đất do bị xử phạt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà C đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà C, hủy Quyết định 260 của Chủ tịch UBND huyện Đ do đã ban hành không đúng quy định pháp luật, vì đất này không thuộc đất công mà là đất gia đình bà được giao theo diện đất lâm nghiệp từ Công ty L. Diện tích cấp đại trà bị không đủ, nhưng do thiếu hiểu biết nên người dân không khiếu nại; việc sử dụng đất của người khởi kiện là liên tục, ổn định và không có tranh chấp nên đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất. Gia đình bà C không hay biết việc bị buộc khắc phục hậu quả cho đến thời điểm nhận được Quyết định 260 vào năm 2021 mới khiếu kiện. Điều này cho thấy về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định nói trên là không đúng quy định, về nội dung quyết định như đã nêu ở phần trên là không đúng thực tế cũng như theo công văn xác định của Công ty L – Bộ L.

Đại diện người bị kiện vắng mặt và không có ý kiến về yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo được làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện về trình tự, thủ tục ban hành văn bản của Ủy ban nhân dân huyện Đ và Công văn trả lời của UBND xã N trả lời đơn của bà Lò Thị C là đúng quy định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền; về nội dung của quyết định là đúng thực tế về trường hợp sử dụng đất của gia đình bà C do kết quả xác minh hiện trạng đất là chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình bà cũng không có giấy tờ nào chứng minh đã khai phá, sử dụng - theo sổ mục kê thể hiện đây là đất công nên án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Án sơ thẩm đã xác định loại vụ việc, thẩm quyền giải quyết đúng quy định của Luật Tố tụng Hành chính. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về thủ tục tố tụng, quyền lợi tố tụng của các đương sự được bảo đảm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

Đại diện hợp pháp của người bị kiện có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[2] Về nội dung:

Bà Lò Thị C khởi kiện vì cho rằng Quyết định số 260/QĐ-KPHQ ngày 10/6/2016 của UBND huyện Đ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Văn bản số 416/UBND ngày 11/11/2022 của UBND xã G, huyện Đ "Liên quan nội dung đơn của bà Lò Thị C thôn T, Xã N" là trái pháp luật, ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của bà đối với diện tích đất đã được khai phá, sử dụng trên 30 năm.

Xét trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 260/QĐ-KPHQ ngày 10/6/2016 của UBND huyện Đ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: văn bản này đã được ban hành sau khi bà C bị UBND xã Ninh Gia lập biên bản vi phạm ngày 18/01/2016 về hành vi chiếm đất công, đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất do UBND xã N quản lý diện tích 14.076m² thuộc một phần thửa đất số 21, tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quyết định buộc khắc phục hậu quả là khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm. Về thẩm quyền và trình tự ban hành là đúng quy định của Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Luật tổ chức chính quyền địa phương. Tuy nhiên, việc giao quyết định này chưa được thực hiện đúng thời hạn nên đến 20/6/2022 bà C mới biết. Đây là sai sót của người bị kiện, đồng thời cũng liên quan đến thời hiệu khởi kiện.

Đối với Văn bản số 416/UBND ngày 11/11/2022 của UBND xã G có nội dung trả lời khiếu nại của bà Lò Thị C về diện tích đất mà gia đình bà canh tác được xác định là đất công: văn bản đã được ban hành đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Về nội dung Quyết định và Văn bản bị khởi kiện:

Quyết định buộc khắc phục hậu quả là khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm, theo tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện:

Tại Quyết định số 1334/QĐ-UB ngày 06/12/1995 của UBND tỉnh L đã giao đất rừng cho Công ty L – Bộ L quản lý và sử dụng vào mục đích lâm nghiệp tại tiểu khu F, 639, gia đình bà C đã canh tác sử dụng diện tích đất trong tiểu khu này, sau đó được cấp GCNQSD đất với diện tích 2,3ha; diện tích còn lại khoảng 18.485,44m².

Năm 2004, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 2887/QĐ-UB ngày 23/7/2004 về việc thu hồi đất lâm nghiệp của Công ty L thuộc Học viện L1 để giao lại cho UBND huyện Đ và Lâm trường Đ quản lý. Riêng Công ty L đã tiến hành cổ phần hoá theo Quyết định số 1923/QĐ-QP ngày 09/9/2003 và theo trình bày của đại diện hợp pháp của Công ty L thì các quyết định 1334 và 2887 bản chính được lưu tại Học viện L1. Hiện tại đơn vị đang quản lý đất quốc phòng tại xã N và căn cứ Quyết định số 356/QĐ-TM ngày 06/3/2012 của Bộ T5 về vị trí đóng quân của Học viện L1 tại xã N, GCNQSD đất số CD 929798, diện tích 434,500 ha. Diện tích đất do bà C sử dụng không có hồ sơ quản lý lưu tại đơn vị nên không thuộc thẩm quyền của Trung tâm Huấn luyện dã ngoại - Học viện L1.

Như vậy, kể từ ngày Quyết định 2887 được ban hành, diện tích đất lâm nghiệp 821,20ha đã được Học viện L1 bàn giao cho UBND huyện Đ quản lý. Theo đó, diện tích đất bà C sử dụng kể từ thời gian này thuộc quyền quản lý của UBND huyện Đ. Bà C khai nguồn gốc đất do gia đình khai hoang từ năm 1991 và sử dụng ổn định, không tranh chấp nhưng không có tài liệu chứng minh và cũng không kê khai, đăng ký.

Ngoài ra, tại Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 24/3/2011 của UBND huyện Đ đã phê duyệt Quy hoạch khu dân cư T, xã N Hồ sơ địa chính thể hiện diện tích đất bà C sử dụng thuộc một phần thửa 21, tờ bản đồ số 26, xã N là đất công thuộc quy hoạch đất ONT, CLN theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất huyện Đ đến năm 2030, thuộc quy hoạch khu dân cư T. Thời điểm này UBND xã N chưa đăng ký hồ sơ đất công nên diện tích đất bà C sử dụng chưa được đo đạc bản đồ 299, trích đo 00. Khi đo đạc bản đồ 2013, UBND xã N đã thực hiện đăng vào sổ mục kê và quản lý theo quy định. Kết quả đo đạc, lồng ghép bản đồ địa chính thể hiện bà C đang sử dụng đất có diện tích 12.615,7m², trong đó có diện tích 122,4m² thuộc một phần thửa đất số 14, diện tích 265,8m² thuộc một phần thửa đất số 89, diện tích 145,9m² thuộc đường đi trên bản đồ, diện tích còn lại thuộc một phần thửa đất số 21, tờ bản đồ số 26 (2013) xã N trên đất có nhà tạm, 01 chuồng bò, 01 chuồng dê, 01 ao chứa nước tưới, đất trồng cây lâu năm.

Năm 2012, UBND xã N đã lập Biên bản vi phạm hành chính và bà đã trả lại đất, đến năm 2016 tiếp tục chiếm đất và bị UBND xã lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm đất công. Do từ thời gian lập biên bản vi phạm hành chính, Chủ tịch UBND xã không ban hành quyết định xử phạt vi phạm dẫn đến hết thời hiệu theo quy định, nên UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 260/QĐ-KPHQ ngày 10/6/2016 của UBND huyện Đ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc khôi phục tình trạng ban đầu và trả lại đất lấn chiếm là có cơ sở, đúng quy định.

Đối với Văn bản số 416/UBND ngày 11/11/2022 của UBND xã G, huyện Đ "Liên quan nội dung đơn của bà Lò Thị C thôn T, Xã N" trả lời khiếu nại của bà C về việc cấp GCNQSD đất do đây là đất công do nhà nước quản lý đã có nội dung đúng hiện trạng và hồ sơ địa chính.

Như vậy, các Quyết định và Văn bản bị khởi kiện đã được ban hành đúng trình tự thủ tục và có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, thực tế quản

lý đất đai. Từ những căn cứ nêu trên, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lò Thị C là có cơ sở.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bà Lò Thị C yêu cầu sửa toàn bộ án sơ thẩm vì đánh giá không khách quan, không xem xét đúng bản chất vụ án thấy rằng: tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cũng chỉ trình bày quan điểm như đơn khởi kiện mà không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác so với giai đoạn xét xử sơ thẩm. Như nhận định trên của Hội đồng xét xử, Quyết định số 260/QĐ-KPHQ ngày 10/6/2016 của UBND huyện Đ và Văn bản số 416/UBND ngày 11/11/2022 của UBND xã N đã được ban hành là có căn cứ và hợp pháp. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Lò Thị C. Theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thống nhất giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên bà C là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lò Thị C, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ:

Vào khoản 1, 2 Điều 3; Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157; khoản 1, 3 Điều 158; Điều 164; Điều 191; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348; Điều 206 của Luật tố tụng hành chính;

Luật tổ Chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; được sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2017 và năm 2020; Nghị định 118/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính;

Luật khiếu nại năm 2011;

Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lò Thị C đề nghị Tòa án hủy:

- Quyết định số 260/QĐ-KPHQ ngày 10/6/2016 của UBND huyện Đ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

- Văn bản số 416/-UBND ngày 11/11/2022 của UBND xã N, huyện Đ "Liên quan nội dung đơn của bà Lò Thị C thôn T, xã N".

Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lò Thị C được miễn án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TPHCM (1);
- TAND tỉnh Lâm Đồng (1);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (1);
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng (1);
- ĐS (5);
- Lưu VP(3), HS(2).17b.NHT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy Vũ